

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa Đan Phượng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm Vật tư y tế năm 2026 của Bệnh viện đa khoa Đan Phượng với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa Đan Phượng.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm cung cấp các thông tin liên quan báo giá:

- Đ/c Nguyễn Quý Hợi – Trưởng Phòng Vật tư TBYT, Bệnh viện đa khoa Đan Phượng
- SĐT: 0982229636
- Email: dauthaumuasam.bvdp@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Báo giá trực tuyến trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia của Bộ tài chính theo thư mời.
- Đơn vị gửi bản cứng về địa chỉ: Phòng Văn thư- tầng 1, Nhà A - Bệnh viện đa khoa Đan Phượng, Số 2, đường Tân Hội, xã Đan Phượng, Hà Nội
- Đồng thời gửi qua email: dauthaumuasam.bvdp@gmail.com

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 09 giờ, ngày 16 tháng 10 năm 2026 đến trước 17 giờ, ngày 17 tháng 10 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 06 tháng, kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục: Mua sắm Vật tư y tế năm 2026 của Bệnh viện đa khoa Đan Phượng (chi tiết theo danh mục đính kèm)

2. Địa điểm: Phòng Vật tư TBYT- Bệnh viện đa khoa Đan Phượng
3. Thời gian thực hiện hợp đồng: trong vòng 365 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Theo thỏa thuận.
5. Các thông tin khác: Giá báo giá bao gồm toàn bộ chi phí (thuế, lệ phí, bảo hành, bảo trì, vận chuyển, ...) chủ đầu tư không phải chịu thêm bất kỳ chi phí nào khác.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: Vt.VTTB



GIÁM ĐỐC

Quách Duy Kỳ

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ MUA SẮM NĂM 2026

(Kèm theo Thư mời báo giá Mua sắm Vật tư y tế năm 2026 ngày 16 tháng 10 năm 2026)

STT	Tên vật tư, quy cách	Đơn vị tính	Yêu cầu Thông số kỹ thuật	Số lượng dự trữ đầu thầu	Ghi chú
* VẬT TƯ Y TẾ					
Phần I: Bơm kim tiêm và dây truyền					
1	Bơm ăn 50 ml	cái	- Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP nguyên sinh. Dung tích 50ml, đầu to lắp vừa dây cho ăn, pittông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. '- Sản phẩm tiệt trùng bằng khí E.O , không độc tố,	500	
2	Bơm tiêm 10ml	cái	- Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP nguyên sinh. Dung tích 10ml, cỡ kim 23G,25G, pittông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. '- Sản phẩm tiệt trùng bằng khí E.O , không độc tố, không chất gây sốt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	45.000	
3	Bơm tiêm 1ml	cái	- Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP nguyên sinh. Dung tích 1ml, cỡ kim 26G, 25G. '- Sản phẩm tiệt trùng bằng khí E.O , không độc tố, không chất gây sốt.	2.000	
4	Bơm tiêm 20ml	cái	- Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP nguyên sinh. Dung tích 20ml không kim, pittông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. '- Sản phẩm tiệt trùng bằng khí E.O , không độc tố,	200.000	
5	Bơm tiêm 3ml	cái	+ Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 3ml +Được chia vạch nhỏ nhất là 0.1ml +Đầu bơm tiêm có 2 dạng là: Đầu bơm tiêm trượt/ Đầu bơm tiêm khóa. +Khi sử dụng có thể kết hợp với kim tiêm kích cỡ khác nhau tùy theo nhu cầu sử dụng. Cỡ kim thông dụng 23Gx1", 25Gx1"; 25Gx5/8...	3.000	
6	Bơm tiêm 50 ml	cái	- Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP nguyên sinh. Dung tích 50ml, đầu to lắp vừa dây cho ăn, pittông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. '- Sản phẩm tiệt trùng bằng khí E.O , không độc tố, không chất gây sốt.	22.000	
7	Bơm tiêm 5ml	cái	+ Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 5ml +Dung tích bơm tiêm có thể mở rộng đến 6ml, tùy theo nhu cầu sử dụng. Được chia vạch nhỏ nhất là 0.2ml +Đầu bơm tiêm có 2 dạng là: Đầu bơm tiêm trượt/ Đầu bơm tiêm khóa +Khi sử dụng có thể kết hợp với kim tiêm kích cỡ khác nhau tùy theo nhu cầu sử dụng. Cỡ kim thông dụng 23Gx1", 25Gx1"; 25Gx5/8...	200.000	
8	Dây truyền huyết thanh (dây truyền dịch)	Bộ	- Bộ dây dẫn dài ≥ 180 cm, làm từ nhựa PVC nguyên sinh đảm bảo độ đàn hồi cao không gãy gập khi bảo quản và sử dụng. Đầu kết nối kim kiểu khoá Luer Lock - Bầu nhỏ giọt tích hợp cửa thoát khí kèm màng lọc khí giúp đuổi khí dễ dàng ngăn ngừa vi khuẩn xâm nhập; Màng lọc dịch trong bầu giúp lọc vật thể lạ (nếu có) bảo vệ an toàn đường truyền. - Sản phẩm tiệt trùng bằng khí E.O , không độc tố, không chất gây sốt.- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	86.000	
9	Dây truyền máu	Bộ	Chất liệu bằng PVC, không DEHP, tiệt trùng bằng khí EO. Tương thích với các thành phần của máu	100	

STT	Tên vật tư, quy cách	Đơn vị tính	Yêu cầu Thông số kỹ thuật	Số lượng dự trữ đầu thầu	Ghi chú
10	Kim bướm	cái	- Dây dài ≥ 30 cm được làm từ nhựa PVC nguyên sinh, cỡ kim 23Gx3/4", 25Gx3/4". - Hai cánh bướm mềm dẻo, mặt tiếp xúc da có sọc nổi khi thao tác giúp kim không bị dịch chuyển. - Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt.	40.000	
11	Kim châm cứu các số	cái	Kim châm cứu vô trùng dùng một lần. Kim châm cứu là sản phẩm vô trùng. Thân kim được làm bằng sợi thép y tế không gỉ, đốc kim được cuốn bằng thép, các vòng xoắn tròn đều, không có gờ ráp, đầu kim được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (EO). - Đường kính 0.25 mm (0.25 $\times$ 13 mm; 0.25 $\times$ 25 mm; 0.25 $\times$ 40 mm) - Đường kính 0.30 mm (0.30 $\times$ 13 mm; 0.30 $\times$ 25 mm; 0.30 $\times$ 30 mm; 0.30 $\times$ 40 mm; 0.30 $\times$ 50 mm; 0.30 $\times$ 60 mm; 0.30 $\times$ 75 mm). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	50.000	
12	Kim chọc dò gây tê tùy sống các số	cái	- Đốc kim trong suốt, chất liệu Polycarbonate - Đầu kim 3 mặt vát - Chiều dài: 90mm $\pm$ 5%, tiệt trùng bằng khí EO - Kích cỡ 18G-27G Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	1.500	
13	Kim chọc dò gây tê tùy sống số 29	cái	- Đốc kim trong suốt, chất liệu Polycarbonate - Đầu kim K-3 (Quincke) 3 mặt vát - Chiều dài: 90mm $\pm$ 5% , tiệt trùng bằng khí EO - Kích cỡ 29G, có kim dẫn - Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE hoặc tương đương	200	
14	Kim luồn dạng bút các số	cái	- Kim luồn dạng bút (không cánh , không công) chất liệu PU có 3 cân quang trên ống thông. - Đầu kim hình côn cắt mặt sau, vát 2 cấp, làm bằng thép không gỉ 304 tráng silicon để giảm đau - Cơ cấu dòng phụt máu ngược Kép - Chuôi kim có khoang chứa máu dài $\geq 34,5$ mm có thiết kế vuông bốn cạnh dẹt thao tác - Có tấm màng vi lọc kháng nước dày $\geq 3,9$ mm. - Thời gian lưu kim trong lòng mạch tới ≥ 96 giờ - Cỡ kim: tối thiểu gồm các số Số 24G, Số 22G, Số 20G, Số 18G, - Tiêu chuẩn ISO 13485. CE . FDA	60.000	
15	Kim luồn tĩnh mạch an toàn, có công có cánh các số	cái	- Kim luồn an toàn có cánh có công chất liệu PU có 4 vạch cân quang trên ống thông, đảm bảo hiển thị trên tia X ở mọi góc độ. - Có đầu bịt an toàn bằng kim loại gồm 2 cánh tay tròn ôm lấy đầu kim khi rút kim ra khỏi catheter. - Đầu kim hình côn cắt mặt sau, vát 2 cấp, làm bằng thép không gỉ 304 tráng silicon để giảm đau - Cơ cấu dòng phụt máu ngược Kép - Có tấm màng vi lọc kháng nước microporous hydrophobic. - Thời gian lưu kim trong lòng mạch ≥ 96 giờ	3.000	

STT	Tên vật tư, quy cách	Đơn vị tính	Yêu cầu Thông số kỹ thuật	Số lượng dự trữ đầu thầu	Ghi chú
16	Kim luồn tĩnh mạch có cổng có cánh số 24	cái	- Kim luồn có cánh có cổng chất liệu PU có vạch cân quang trên ống thông. - Đầu kim hình côn cắt mặt, vát 2 cấp, làm bằng thép không gỉ 304 tráng silicon - Cơ cấu dòng phụt mẫu ngược Kép - Có tấm màng vi lọc kháng nước microporous hydrophobic - Thời gian lưu kim trong lòng mạch ≥ 96 giờ - Cỡ kim: Số 24G; - Tiêu chuẩn ISO 13485 CE FDA	5.500	
17	Khóa 3 chạc không dây	cái	• Dùng cho truyền nhiều đường dịch • Xoay 360° • Chịu áp lực lên đến 4.5 bar • Thân khóa làm từ: Polycarbonate; Tay xoay: HDPE • Lòng kênh trong suốt giúp quan sát dòng dịch dễ dàng • 1 đầu nối đực xoay và 2 đầu nối Luer cái • Mũi tên trên tay xoay chỉ hướng dòng chảy • Đầu nối đảm bảo kết nối kín khít và không rò rỉ. • Thời gian sử dụng lên đến 96 giờ • Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (EO) • Không chứa DEHP, không Latex Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	15.000	
18	Khóa 3 chạc có dây	cái	• Ống nhựa PVC, không chứa DEHP, mềm, mền, chống xoắn, Khóa đực xoay, 2 đầu khóa cái kết nối • Chiều dài ống: ≥ 25cms. Khóa xoay 360° • Đường kính: I $\varnothing$ 3mm & O $\varnothing$ 4.1mm • Chịu áp suất lên đến ≥ 4.5 bar • Thân khóa làm từ: Polycarbonate; Tay xoay: HDPE • Mũi tên chỉ hướng dòng chảy • Để tránh rò rỉ nên kết nối thấp hơn 6% luer (theo chuẩn quốc tế) • Khóa xoay Luer Lock • Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	1.000	
19	Kim lấy máu, lấy thuốc tiệt trùng các loại	cái	- Để kim được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế. - Cỡ kim 18G, 23G, 25G, 26G kim sắc bén. - Sản phẩm đóng gói dạng ép vi đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O theo tiêu chuẩn ISO 11135:2014, không độc tố, không chất gây sốt.	130.000	
20	Kim chích máu thường loại C	cái	Kim sắc bén được làm từ thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	1.000	
21	Kẹp rốn loại A	cái	Chất liệu bằng nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	1.000	
Phần II: Chỉ khâu phẫu thuật các loại					
22	Chỉ Nylon các số	sợi	Kim 3 cạnh, vòng kim 15mm, 26mm, 30mm, độ dài 75cm.	2.500	
23	Chỉ liên kim Nylon 5/0	sợi	Kim 3 cạnh, vòng kim 15mm, độ dài 75cm.	600	
24	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 có kháng khuẩn số 1	sợi	- Chỉ Polyglactin 910 cơ kháng khuẩn số 1. Thành phần: 90% glycolide và 10% L-lactide, có phủ lớp Poly(glycolide-co-lactide) (30:70) - glacomer 370, Calcium stearate và Chlorhexidine Diacetate (CHA) ≤ 60 μg/m. Sợi dài 90 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm. - Kim thép 302 phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	2.200	

STT	Tên vật tư, quy cách	Đơn vị tính	Yêu cầu Thông số kỹ thuật	Số lượng dự trữ đầu thầu	Ghi chú
25	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 có kháng khuẩn số 2/0	sợi	Chỉ Polyglactin 910 có kháng khuẩn số 2/0. Thành phần: 90% glycolide và 10% L-lactide, có phủ lớp Poly(glycolide-co-lactide) (30:70) - glacomer 370, Calcium stearate và Chlorhexidine Diacetate (CHA) ≤60 µg/m. Sợi dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	1.500	
26	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 có kháng khuẩn số 3/0	sợi	Chỉ Polyglactin 910 có kháng khuẩn số 3/0. Thành phần: 90% glycolide và 10% L-lactide, có phủ lớp Poly(glycolide-co-lactide) (30:70) - glacomer 370, Calcium stearate và Chlorhexidine Diacetate (CHA) ≤60 µg/m. Sợi dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	1.000	
27	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 có kháng khuẩn số 4/0	sợi	Chỉ Polyglactin 910 có kháng khuẩn số 4/0. Thành phần: 90% glycolide và 10% L-lactide, có phủ lớp Poly(glycolide-co-lactide) (30:70) - glacomer 370, Calcium stearate và Chlorhexidine Diacetate (CHA) ≤60 µg/m. Sợi dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 22 mm. Kim thép 302 phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	500	
28	Chỉ phẫu thuật tổng hợp polyglactin 910 tiêu nhanh số 3/0	sợi	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 3/0. Thành phần: 90% glycolide và 10% L-lactide, có phủ lớp Poly(glycolide-co-lactide) (30:70) - glacomer 370 và Calcium stearate. Sợi dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	500	
29	Chỉ phẫu thuật tổng hợp polyglactin 910 tiêu nhanh số 2/0	sợi	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 2/0. Thành phần: 90% glycolide và 10% L-lactide, có phủ lớp Poly(glycolide-co-lactide) (30:70) - glacomer 370 và Calcium stearate. Sợi dài 90 cm, kim tròn đầu cắt 1/2c, dài 36 mm. Kim thép 302 phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485	800	
30	Chỉ đơn sợi tổng hợp không tiêu polypropylene số 5/0	sợi	Chỉ Polypropylene số 5/0, dài 90 cm, 2 kim tròn đầu cắt CC 1/2c, dài 16 mm. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Kim bằng thép 302 phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	1.500	
31	Chỉ đơn sợi tổng hợp không tiêu polypropylene số 2/0	sợi	Chỉ Polypropylene số 2/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Kim bằng thép 302 phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	300	
32	Chỉ đơn sợi tổng hợp không tiêu polypropylene số 3/0	sợi	Chỉ Polypropylene số 3/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Kim thép 302 phủ silicon, Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	1.500	
33	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin số 5/0	sợi	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 5/0. Thành phần: 90% glycolide và 10% L-lactide, có phủ lớp Poly(glycolide-co-lactide) (30:70) - glacomer 370 và Calcium stearate. Sợi dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 17 mm. Kim thép 302 phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	1.500	
34	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin số 6/0	sợi	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 6/0 màu trắng. Thành phần: 90% glycolide và 10% L-lactide, có phủ lớp Poly(glycolide-co-lactide) (30:70) - glacomer 370 và Calcium stearate. Sợi dài 45 cm, kim tròn 1/2c, dài 13 mm. Kim thép 302 phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	240	
35	Chỉ đơn sợi tổng hợp không tiêu polypropylene số 0)	sợi	Chỉ không tan tổng hợp Polypropylene số 0. Sợi dài 100 cm, kim tròn đầu cắt 1/2c, dài 36 mm. Kim thép 302 phủ silicon. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Đạt tiêu chuẩn ISO	36	
36	Chỉ tiêu đơn sợi số 2	sợi	Chỉ tan chậm tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 2/0. Sợi dài 75 cm, kim tròn, dài 26 mm 1/2c. Kim thép 302 phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	50	
37	Chỉ tiêu đơn sợi số 3	sợi	Chỉ tan chậm tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 3/0. Sợi dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	50	

STT	Tên vật tư, quy cách	Đơn vị tính	Yêu cầu Thông số kỹ thuật	Số lượng dự trữ đầu thầu	Ghi chú
38	Chỉ tiêu đơn sợi số 4	sợi	Chi tan chậm tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 4/0. Sợi dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 20 mm. Kim thép 302 phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	50	
Phần III: Nhóm Vật tư cho thiết bị chẩn đoán, khám bệnh và găng tay các loại					
39	Phim răng	hộp	Phim răng 3x4cm. Phim và nước đóng sẵn trong 1 lá phim, Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	20	
40	Phim X Quang 8x10 inch	hộp	Phim X-quang laser kích thước 20*25 cm sử dụng tương thích cho máy in phim laser Drypix. Cấu tạo gồm 4 lớp: lớp bảo vệ phía trên, lớp nền phim, lớp nhạy quang, lớp bảo vệ phía dưới. Phim có nền ~~nhạy quang, mật độ quang tối đa: 3.3 Tiêu~~	50	
41	Phim chụp 35x43 cm cho Hệ thống CT Scanner 32 lát cắt / vòng quay	hộp	Phim laser kích thước 35x43cm sử dụng cho máy in phim laser Drypix. Mật độ quang tối đa: 3.3. Thành phần gồm: lớp bảo vệ phía trên; lớp nền; lớp nhạy quang; lớp bảo vệ phía dưới. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016	40	
42	Giấy điện tim 6 cần	tập	Kích thước 110mm * 140mm * 143 tờ, chất liệu bằng giấy in nhiệt, loại không có dòng kẻ, tương thích với máy điện tim 6 cần hãng Nihon Kodan, Fukuda Dạng tập. Có bao bì bảo vệ.	200	
43	Giấy điện tim (215mmx30m)	Cuộn	Kích thước 215mm*30m, sử dụng tương thích cho máy điện Cardio 7/Bionet/ Hàn Quốc	200	
44	Giấy điện tim 112x90x300p	Tập	Giấy in điện tim kích thước 112mm x 90mm x 300 sheets, loại tập có dòng kẻ, sử dụng tương thích cho máy điện tim Kenz	200	
45	Giấy in nhiệt 58x30	cuộn	Giấy in nhiệt dạng cuộn kt 58 x 30mm	150	
46	Giấy in Monitor sản khoa	tập	Kích thước (152mm x 150mmx 200 tờ) sử dụng tương thích cho Monitor Sản Toitu Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	200	
47	Giấy in ảnh siêu âm	cuộn	Giấy in kết quả siêu âm đen trắng giải màu xám hiển thị. Tương thích sử dụng máy in Sony, kích thước 110x20m	1.000	
48	Găng tay khám ngón	đôi	Chất liệu làm từ cao su thiên nhiên độ căng giãn đàn hồi tốt. Chiều dài 240, chiều rộng từ 76 ± 3 mm đến 113 ± 3 mm độ dày ngón tay 0.14 ± 0.03mm và lòng bàn tay 0.11 ± 0.03mm. Trước khi lão hóa tối thiểu 650% và sau khi lão hóa tối thiểu 500%.	200.000	
49	Găng tay sản khoa các cỡ	đôi	Sản xuất từ latex tự nhiên. Độ giãn dài khi đứt trước lão hóa tối thiểu 700%, sau lão hóa tối thiểu 550%. Lỗ thùng AQL 1,5.	100	
50	Găng tay mổ tiết trùng	đôi	Chất liệu làm từ cao su tự nhiên; Có phủ bột chống dính bôi trơn nằm bên trong găng tay. Tiết trùng bằng khí E.O. Kích thước vật lý: Gồm các size: 6.5, 7, 7.5, 8. Độ dày một lớp 0,15mm ÷ 0,21mm. Cường lực kéo đứt tối thiểu: trước lão hóa 14N sau lão hóa 11N ~~Lực giãn trước lão hóa 750% sau lão hóa mìn~~	42.000	
51	Bao cao su	Cái	Trơn, mềm, mỏng, không mùi	3.000	

STT	Tên vật tư, quy cách	Đơn vị tính	Yêu cầu Thông số kỹ thuật	Số lượng dự trữ đầu thầu	Ghi chú
Phần IV: Nhóm bông, băng, gạc các loại					
52	Băng keo thử nhiệt độ hấp ướt	cuộn	Giấy chỉ thị nhiệt độ băng keo thử nhiệt độ hấp ướt	55	
53	Băng keo thử nhiệt độ sấy khô	cuộn	Băng keo thử nhiệt sấy khô (Chỉ thị nhiệt)	15	
54	Băng chun trẻ em	cái	Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao, không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng	1.000	
55	Băng xô y tế 5cmx2,5m	cuộn	Chất liệu từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao, không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng. Kích thước 5cm x 2,5m	1.000	
56	Băng xô y tế 10cmx5m	cuộn	Chất liệu từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao, không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng. Kích thước 10cm x 5m	1.000	
57	Băng dính lụa (2,5cm x 5m)	Cuộn	Nền 100 % sợi cellulose acetate đánh thành cuộn. Lớp keo Oxide kẽm không dùng dung môi. Tiêu chuẩn CE , Lõi nhựa liền cánh bảo vệ .	11.000	
58	Bột bó liền 15cmx4,6m	cuộn	Làm từ bột thạch cao liền gạc (Thạch cao $\geq 97\%$, gạc 100% cotton).KT 15cmx4,6m	1.000	
59	Bột bó liền 10cm x 4,6m	cuộn	Làm từ bột thạch cao liền gạc (Thạch cao $\geq 97\%$, gạc 100% cotton). KT 10cm x 4,6m	1.000	
60	Bột bó liền 7,5cmx3,6m	cuộn	Làm từ bột thạch cao liền gạc (Thạch cao $\geq 97\%$, gạc 100% cotton). KT 7,5cmx3,6m	1.000	
61	Gạc cầu 1 lớp vô trùng	cái	Vô trùng, Ø 30, 1 lớp, Chất liệu gạc hút nước từ 100% cotton, tiệt trùng bằng khí EO gas, đảm bảo không có vi khuẩn và nấm mốc	15.000	
62	Gạc phẫu thuật 10x10 x 8 lớp	miếng	Chất liệu gạc từ cotton y tế 100%, sợi gạc dày, thấm hút tốt, trắng mịn, không bụi Vô trùng, 10x10cm, 8 lớp. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485	40.000	
63	Gạc mổ vô trùng 30x40cmx6 lớp	miếng	Chất liệu gạc từ cotton y tế 100%. Sợi gạc dày, thấm hút tốt, trắng mịn, không bụi. Vô trùng, 30x40cm, 6 lớp. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001; ISO 13485	10.000	
64	Gạc phẫu thuật nội soi không dệt 7,5x7,5x6 lớp	miếng	Chất liệu gạc từ cotton y tế 100%. Sợi gạc dày, thấm hút tốt, trắng mịn, không bụi. Vô trùng, 7,5cm x 7,5cm, 6 lớp. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485	5.000	
65	Băng dán có gạc vô trùng 6cmx7cm (cổ định kim luôn)	cái	Băng dán có gạc vô trùng,kích thước 6cm x 7cm	1.500	
66	Gạc hút y tế	mét	Chất liệu từ gạc hút nước 100% cotton, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mủn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính	25.000	
67	Miếng cầm máu tự tiêu	miếng	Vật liệu cầm máu SURGICEL tự tiêu, có tính kháng khuẩn, bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp 10 x 20 cm	200	
68	Băng keo giấy	cuộn	Kích thước: 2.5cm x 5m. Phủ keo Acrylic, không gây kích ứng. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	30	

STT	Tên vật tư, quy cách	Đơn vị tính	Yêu cầu Thông số kỹ thuật	Số lượng dự trữ đầu thầu	Ghi chú
69	Băng dán có gạc vô trùng 10cmx20cm	Miếng	- Lớp vải không dệt Gồm 50% viscose + 50% polyester. - Lớp keo : Hydrocarbon resin, Styrene block copolymer, Dầu khoáng y tế, Chất chống oxy hóa - Lớp gạc thấm hút không dính, khả năng thấm hút $\geq 680\%$. Diện tích gạc 10cm x 20cm, diện tích nền băng 5x15cm ~~- Triệt trùng bằng EO.~~	2.000	
70	Băng dán có gạc vô trùng 10cmx10cm	Miếng	- Lớp vải không dệt Gồm 50% viscose + 50% polyester. - Lớp keo: Hydrocarbon resin, Styrene block copolymer, Dầu khoáng y tế, Chất chống oxy hóa - Lớp gạc thấm hút không dính, khả năng thấm hút $\geq 680\%$. - Diện tích gạc 10cm x 10cm, diện tích nền băng 5cm x 5cm. ~~- Triệt trùng bằng EO.~~	1.000	
71	Băng dán có gạc vô trùng 6cmx7cm	Miếng	- Lớp vải không dệt Gồm 50% viscose + 50% polyester. - Lớp keo: Hydrocarbon resin, Styrene block copolymer, Dầu khoáng y tế, Chất chống oxy hóa - Lớp gạc thấm hút không dính, khả năng thấm hút $\geq 680\%$. Diện tích gạc 6cmx7cm - Triệt trùng bằng EO. ~~- Kích thước 6x7mm.~~	5.000	
72	Băng dán có gạc vô trùng 9cmx15cm	Miếng	- Lớp vải không dệt Gồm 50% viscose + 50% polyester. - Lớp keo: Hydrocarbon resin, Styrene block copolymer, Dầu khoáng y tế, Chất chống oxy hóa - Lớp gạc thấm hút không dính, khả năng thấm hút $\geq 680\%$. Diện tích gạc 9cmx15cm - Triệt trùng bằng EO. - Kích thước 9x15mm	500	
73	Bột thủy tinh số 3 (3,6 x 7,5)	Cuộn	Bột bó sợi thủy tinh kích thước 7,5cm x 3,6m, - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	150	
74	Bột thủy tinh số 4 (3,6 x 10)	Cuộn	Bột bó sợi thủy tinh kích thước 10cm x 3,6m - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	150	
75	Bột thủy tinh số 5 (3,6 x 12,5)	Cuộn	Bột bó sợi thủy tinh kích thước 12,5cm x 3,6m, - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	50	
Phần V: Nhóm sonde các loại và vật tư thông thường khác					
76	Canuyn Mayo	cái	Ống thông đường thở được làm từ nhựa cứng PE. Có các cỡ từ 4.0 đến 12.0 cm. Tiêu chuẩn ISO 13485, EC	280	
77	Catheter gây tê ngoài màng cứng	Bộ	Kim gây tê ngoài màng cứng đầu cong có vạch đánh dấu độ dài trên thân kim. Ống bơm tiêm giảm kháng lực LOR giúp xác định khoang ngoài màng cứng. Catheter bằng 2 lớp chất liệu Polyamide và Polyurethan, đầu nối Catheter dạng nắp bật: - Màng lọc vi khuẩn: 0.2 μ m, miếng cố định lọc - Syringer Catheter làm bằng Polyurethane dài 20cm, cỡ 7F, 2 nòng G16, G16; kim dẫn đường chữ V có valve 2 chiều chặn máu trào ngược và tắc khí; có các đường cân quang ngầm trên vách catheter; đầu nối an toàn có valve 2 chiều bơm hoặc rút dịch tự động đóng khi ngừng kết nối; Dây điện cực để đo ECG; dây dẫn	500	
78	Catherter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	Bộ		120	

STT	Tên vật tư, quy cách	Đơn vị tính	Yêu cầu Thông số kỹ thuật	Số lượng dự trữ đầu thầu	Ghi chú
79	Catherter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	Bộ	Catheter làm bằng Polyurethane dài 20cm, cỡ 6F, 1 nòng G14; kim dẫn đường thẳng; có các đường cân quang nằm trên vách catheter; đầu nối an toàn có valve 2 chiều bơm hoặc rút dịch tự động đóng khi ngừng kết nối; Dây điện cực để đo ECG; dây dẫn đường bằng kim loại chữ đầu I	50	
80	Catherter tĩnh mạch, động mạch rốn các cỡ	Cái	Bao gồm 01 catheter chất liệu bằng PVC, dài 37cm + Cỡ 3.5 Fr với tốc độ dòng truyền dịch >6ml/ phút + Cỡ 4 Fr với tốc độ dòng truyền dịch > 16ml/ phút + Cỡ 5 Fr với tốc độ dòng truyền dịch > 31ml/ phút	5	
81	Catherter động mạch cỡ 20G	Cái	+Chất liệu PE +Catheter cỡ 20G, dài >8cm, kèm kim dẫn đường, kèm dây dẫn dài >20cm	20	
82	Kim gây tê đám rối thần kinh	cái	Kim G22 dài >50mm, cách điện, thân kim có chia vạch. Chuôi kim trong suốt, có nhiều rãnh để cầm khi chích có dây nối để bơm thuốc	200	
83	Đầu côn vàng (nhỏ)	cái	Đầu côn vàng được làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase	16.000	
84	Đầu côn xanh (to)	cái	Hàng nhựa dùng trong y tế, được sản xuất bằng nhựa PP chánh phẩm chất lượng cao không chứa kim loại. Có khóa hoặc không khóa.	8.000	
85	Dây thở Oxy gọng kính người lớn, trẻ em	cái	Làm từ nhựa PVC nguyên sinh trang silicon y tế an toàn, tiệt khuẩn, không độc hại - Dây mềm. Thành trong lòng ống dây có hình sao có tác dụng chống không bị tắc nghẽn khi oxy khi ống dây bị đè bẹp hay bị gãy gập. Một đầu gắn phễu, một đầu gắn có 2 nhánh Chiều dài dây thở oxy 2m. Tiệt trùng bằng	2.700	
86	Dây garo	cái	Dây garo có khoá - Dùng thắt mạch. - Chất liệu: Làm bằng vải ,độ co giãn tốt, có khóa cố định	20	
87	Lưỡi dao mổ các số	cái	Dao sắc. Chất liệu bằng thép không gỉ, tiệt trùng bằng tia Gamma. Các số 10, 11, 12 ,15, 20, 21, 22.	6.000	
88	Đè lưỡi gỗ	cái	Đè lưỡi bằng gỗ đã tiệt trùng, không gây độc, không gây kích thích, dùng 1 lần. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485: 2017	50.000	
89	Mask thở Oxy	cái	Dùng cho trẻ em và người lớn Được làm từ chất liệu nhựa PVC dùng trong y tế Mask kèm dây đeo đàn hồi, Có kẹp mũi điều chỉnh được, Dây dẫn cung cấp oxy dạng ống dài 2m	3.000	
90	Mũ giấy phẫu thuật	cái	Được làm bằng vải không dệt, không hút nước , có bề mặt nhẵn, có độ thoáng khí, không hút nước. Dây thun: Có tính đàn hồi giúp việc sử dụng dễ dàng. Đã tiệt trùng, sử dụng 1 lần.	8.500	
91	Ống nghiệm thủy tinh to	cái	Chất liệu bằng thủy tinh kích thước: đường kính 16-20mm; chiều dài ống 160-180mm	5.000	
92	Ống nghiệm thủy tinh nhỏ	cái	Chất liệu bằng thủy tinh kích thước: đường kính 10mm; chiều dài ống 100mm	3.000	
93	Ống nghiệm nhựa đựng nước tiểu có nắp	cái	Ống nghiệm nhựa được ép từ nhựa PP/PS nguyên sinh, không lẫn tạp chất, đảm bảo các ống đồng nhất về kích thước và chất lượng. (Chất liệu: PP). - Thể tích: 10ml. - Kích thước: 16x100mm. - Ống có dạng hình trụ tròn, không dán nhãn với 02 loại: có đóng nút và không đóng nút. - Không có chất bôi trơn nên không gây nguy cơ nhiễm bẩn mẫu thử. - Sản xuất và	50.000	

STT	Tên vật tư, quy cách	Đơn vị tính	Yêu cầu Thông số kỹ thuật	Số lượng dự trữ đầu thầu	Ghi chú
94	Ống nội khí quản các số	cái	Chất liệu được làm từ nhựa PVC, với bóng có dung lượng cao độ nén thấp, bóng lái, van có đầu bơm cho khóa, đầu nối tiêu chuẩn 15mm, đường mờ tia X chạy dọc chiều dài ống.	500	
95	Khẩu trang y tế	cái	Khẩu trang >3 lớp vô trùng	15.000	
96	Sonde Foley 2 chạc	cái	Nguyên liệu: 100% cao su tiền lưu hóa với catheter được xử lý bằng dầu silicon y tế cao cấp.	1.500	
97	Sonde Foley 3 chạc các số	cái	Nguyên liệu: 100% cao su tiền lưu hóa với catheter được xử lý bằng dầu silicon y tế cao cấp.	200	
98	Dây hút nhót các số	cái	Chất liệu bằng nhựa PVC mềm, mờ, chống gây gập. Đầu ống được thiết kế mềm, tròn, tránh chấn thương	2.500	
99	Sonde tiểu nelaton	cái	Tiệt khuẩn, tiệt trùng bằng khí EO. Làm bằng cao su mềm, không độc, không gây sốt.	500	
100	Sonde dạ dày các số	cái	Chất liệu bằng nhựa PVC y tế, được tiệt trùng bằng khí Etylen Oxyt	600	
101	Sonde hậu môn	cái	Dây dẫn dài 400mm. Chất liệu bằng liệu nhựa PVC nguyên sinh, dây mềm. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	40	
102	Sonde dẫn lưu ổ bụng	cái	Chất liệu bằng PVC. Đóng gói vô trùng từng cái.	400	
103	Túi Camera vô trùng	cái	Túi nylon 9x14cm có dây bằng cotton	1.000	
104	Túi nước tiểu	bộ	Chất liệu bằng nhựa PVC, có chia vạch, không bị rò rỉ các đường khóa, thể tích 2 lít	3.000	
105	Tấm trải nilon	cái	Tấm trải bằng nilon vô trùng 100 x 130cm	2.000	
106	Valon oxy	cái	Dùng trong y tế	40	
107	Mask bóng bóp Ambul	cái	Có vòng nhiều màu sắc để phân biệt các kích cỡ. Phần đệm ôm sát mặt có van 1 chiều điều chỉnh được.	40	
108	Pipet nhựa	cái	Chất liệu bằng nhựa, gồm bầu và thân pipet liền nhau 3ml. Chất liệu bằng PE	15.000	
109	Cóng nhựa đựng bệnh phẩm có nắp	cái	Chất liệu bằng nhựa y tế trắng, trong nhìn được bên trong, có nắp	5.000	
110	Túi chườm	cái	Túi chườm nóng, lạnh bằng cao su	10	
111	Cực điện dán	cái	Không gây kích ứng da, an toàn cho bệnh nhân, dẫn truyền tín hiệu tốt	3.000	

STT	Tên vật tư, quy cách	Đơn vị tính	Yêu cầu Thông số kỹ thuật	Số lượng dự trữ đầu thầu	Ghi chú
112	Lọ đựng bệnh phẩm	cái	Chất liệu bằng nhựa y tế trắng, trong nhìn được bên trong, có thìa lấy bệnh phẩm, có nắp vận khít, có nhãn đề thông tin của bệnh nhân	60.000	
113	Cồng nhựa đựng bệnh phẩm không nắp	cái	Cồng dùng để đựng bệnh phẩm	12.000	
114	Ống hút thai loại A	cái	Chiều dài ống khoảng 24 cm (9,5 in). Có sẵn tám mức đường kính: 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 12mm.	20	
115	Băng mắt sơ sinh chiếu đèn vàng	cái	Băng che mắt chiếu đèn điều trị vàng da	150	
116	Lam kính	Hộp	Chất liệu kính Soda vôi, kích thước 25.4*76.2mm, độ dày 1.0-1.2mm, trong suốt, mài mờ một đầu, bề mặt phẳng, không mốc. Đóng gói: Hộp 72 miếng	150	
117	Vòng tránh thai	cái	Đặt vòng tránh thai	200	
118	Dây nối bơm tiêm điện	cái	Dây nối bơm tiêm điện dài 140cm Đầu nối vận xoắn chống rò rỉ, dây nối có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch, máu. Chất liệu bằng PVC, không DEHP	5.000	
119	Phin lọc ẩm	cái	Hiệu quả vi khuẩn 99% Mức độ thoát ẩm cao Kết hợp với màng lọc vi khuẩn không dính nước Vỏ tròn Vỏ trùng hoặc sạch Nắp giám sát đạt chuẩn có thể giữ lại được Mức độ ẩm cao (> 33mgH ₂ O / L) Đầu nối Cellulose hoặc xốp hút ẩm chuẩn ISO	1.500	
120	Vòng đeo tay nhận diện bệnh nhân	cái	- Chất liệu: Nano silicone mềm dẻo (khoảng 82% nano-silicon), chống nước, kháng khuẩn, không gây dị ứng và an toàn cho da; có nhiều nấc gài để điều chỉnh kích thước theo cổ tay Màu sắc: trắng, xanh, hồng... - Thường dùng với các dòng máy in mã vạch chuẩn dùng của hãng như Brother TD 2020 hoặc	13.200	
121	Mask khí dung	cái	Chất liệu bằng PVC, mềm, trong suốt	1.000	
122	Tăm bông vô khuẩn cán cứng	cái	Que tăm bông vô khuẩn; cán cứng	2.500	
123	Sonde JJ số 7,6	cái	Sonde JJ cỡ 6Fr, 7Fr, dài 26cm, phủ Hydrophilic-Đóng gói đơn chiếc, tiệt trùng.	134	
124	Git vắn	cái	Quy cách: Size: 0.032'' - 0.035'', dài 150cm. Đầu thẳng, lõi Nitinol chống gấp khúc, đoạn đầu trên dài 65mm có phủ lớp hydrophilic, vỏ vắn đen vàng.	30	
125	Rọ lấy sỏi	cái	Vật liệu bằng Nitinol cỡ 3Fr, 4 cánh, dài 90cm	20	
126	Điện cực cắt hình vòng	cái	Điện cực cắt rạch hình vòng 24Fr	15	
127	Bộ đo, theo dõi huyết áp xâm lấn	Bộ	Dùng trong đo huyết áp động mạch liên tục xâm lấn sử dụng cho mornitor 7 thông số Nihon kohden	20	
128	Sonde dẫn lưu khí màng phổi	Cái	Dùng dẫn lưu màng phổi, Có nòng Chất liệu silicon hoặc chất liệu PVC.	30	

STT	Tên vật tư, quy cách	Đơn vị tính	Yêu cầu Thông số kỹ thuật	Số lượng dự trữ đầu thầu	Ghi chú
129	Ống làm màu lằng Pachencop (thủy tinh có chia vạch)	cái	thủy tinh trong suốt, có chia vạch	100	
130	Bơm truyền dịch tự động có PCA	bộ	-Dung tích ≥ 275 ml -Có ≥ 4 tốc độ dòng chảy, bước nhảy tốc độ ≥ 1 ml/h - -Có vạch chia trên thân bơm. Có nút bấm liều bolus $\geq 0,5$ ml	1.000	
131	Clip Polymer kẹp mạch máu các cỡ	cái	Chất liệu polymer, dùng cho mổ mở và mổ nội soi; tiệt trùng. Có các size từ M đến XL. Kích cỡ tương ứng với size. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC	720	
132	Túi đựng điện cực xung	cái	Túi đựng tấm điện cực thấm nước cỡ 9x11cm . Sử dụng cho máy điện xung - điện phân	1.000	
133	Nhiệt kế thủy ngân	cái	Dùng để đo nhiệt độ cơ thể. Gồm 2 phần. Phần cảm nhận nhiệt độ là bầu đựng thủy ngân và phần hiển thị kết quả là thang chia vạch. Dùng để đo nhiệt độ	1.000	
134	Tấm lưới Prolen 10*15 cm	Tấm	Chất liệu bằng polypropylen, tiệt trùng bằng EO, cỡ 10*15 cm	5	
135	Tấm lưới Prolen 6*11cm	tấm	Chất liệu bằng polypropylen, tiệt trùng bằng EO, cỡ 6*11cm	5	
136	Dụng cụ cố định lưới nội soi	Cái	Dụng cụ giúp cố định lưới thoát vị có 30 ghim hình xoắn ốc, chất liệu Titanium thân thiện cơ thể, chiều cao ghim 3.8mm, đường kính ghim 4mm. Chiều dài phần cứng chứa ghim 35.5cm Đạt tiêu chuẩn FDA	20	
Phần VI: Vật tư chuyên khoa Răng hàm mặt					
137	Nong dũa các số	vi	Làm bằng thép không gỉ, dùng để điều trị tủy răng	170	
138	Cây nền ống tủy	hộp	Vật liệu có khả năng chống ăn mòn và độ bền cao	35	
139	Côn giấy các số	hộp	Dùng để thấm khô ống tủy, đũa các số	100	
140	File máy điều trị nội nha	hộp	Cạnh cắt sắc bén, sử dụng 1 cây duy nhất cho quá trình điều trị, chịu lực xoắn cao tránh gãy file	50	
141	Côn gutta percha	hộp	Vật tư, hóa chất sử dụng trong nha khoa. Đủ các số tương ứng với các mẫu	50	
142	Mũi khoan cắt răng	vi	Làm bằng chất liệu carbide (tungsten). Dùng để cắt thân, chia chân răng. Chiều dài 25mm hoặc 28mm.	50	
143	Mũi khoan Endo Z	vi	Thiết bị này có mũi khoan bằng cacbua vonfram và dùng để khoan răng và xương. Chuôi bằng thép không gỉ. Nó được sử dụng kết nối với tay khoan nha khoa.	30	
144	Kim bơm rửa ống tủy	hộp	Kim bơm rửa nha khoa, đầu vát, lực 27 gauge, sử dụng để đưa dung dịch vào ống tủy để làm sạch 1 lần	50	
Phần VII: Vật tư chuyên khoa Ngoại					

STT	Tên vật tư, quy cách	Đơn vị tính	Yêu cầu Thông số kỹ thuật	Số lượng dự trữ đầu thầu	Ghi chú
145	Chỉ thép liên kim	sợi	ĐK 0.2 - 1.0mm dài 55mm, thép mềm dẻo một đầu có kim cong. Chất liệu thép y tế ko gỉ. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	100	
146	Đinh Kirschner (Các số)	cái	ĐK 0.8 đến 3.0mm, dài từ 280mm đến 300mm, một đầu nhọn. Chất liệu thép y tế ko gỉ. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	80	
147	Nẹp khóa (lòng máng) cẳng tay	cái	4 đến 12 lỗ dài 49 - 145mm, dày 1.5mm, rộng 11mm, khoảng cách giữa các lỗ 12mm, sử dụng vít khóa đk 3.5mm. Chất liệu titanium nguyên chất. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	16	
148	Nẹp khóa cẳng chân	cái	5 đến 15 lỗ dài 95 - 275mm, dày 4.5mm, rộng 14mm, có xẻ rãnh ít tiếp xúc, kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít, khoảng cách giữa các lỗ 18mm, sử dụng vít khóa đk 5.0mm. Chất liệu titanium nguyên chất. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	2	
149	Nẹp khóa đầu dưới xương quay (chữ T nhỏ)	cái	3 đến 7 lỗ dài 56 - 100mm, dày 2mm, rộng 10mm, khoảng cách giữa các lỗ 11mm, sử dụng vít khóa đk 3.5mm. Chất liệu titanium. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	13	
150	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay	cái	2 đến 12 lỗ dài 94 - 244mm, dày 3mm, rộng 12.5mm, Đầu nẹp có 9 lỗ bắt vít khóa, thân nẹp có xẻ rãnh ít tiếp xúc, khoảng cách giữa các lỗ 15mm, sử dụng vít khóa đk 3.5mm. Chất liệu titanium. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	9	
151	Nẹp khóa khớp (móc xương) cùng đòn	cái	3 đến 7 lỗ trái, phải, Độ cao móc 17, 18, 23mm, dày 2.5mm, rộng 10mm, khoảng cách giữa các lỗ 12mm, sử dụng vít khóa đk 3.5mm, Chất liệu titanium. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	5	
152	Nẹp khóa nén ép cho thân xương đòn chữ S	cái	4 đến 12 lỗ trái, phải, dài 46 - 142mm, dày 2.5mm, rộng 11mm, khoảng cách giữa các lỗ 12mm, sử dụng vít khóa đk 3.5mm, Chất liệu titanium. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	16	
153	Nẹp lòng máng xương cẳng tay	cái	3 đến 12 lỗ tròn dài 37 - 145mm, dày 1.5mm, rộng 11mm, khoảng cách giữa các lỗ 12mm, sử dụng vít cứng đường kính 3,5mm. Chất liệu thép y tế ko gỉ. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	1	
154	Nẹp mắt xích thẳng	cái	4 đến 14 lỗ ô van dài 46 - 166mm, dày 2.5mm, rộng 11mm, khoảng cách giữa các lỗ 12mm, sử dụng vít cứng đường kính 3,5mm. Chất liệu thép y tế ko gỉ. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	1	
155	Nẹp khoá xương đùi (10 lỗ)	cái	6 đến 16 lỗ dài 117 - 297mm, dày 5mm, rộng 18mm, có xẻ rãnh ít tiếp xúc, kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít, khoảng cách giữa các lỗ 18mm, sử dụng vít khóa đk 5.0mm. Chất liệu titanium nguyên chất. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	1	
156	Nẹp khóa đầu trên xương cẳng chân	cái	5 đến 13 lỗ trái, phải, dài 145 - 289mm, dày 4mm, rộng 14.2mm, Đầu nẹp có 4 lỗ bắt vít khóa, khoảng cách giữa các lỗ 18mm, thân nẹp có xẻ rãnh ít tiếp xúc, kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít, khoảng cách giữa các lỗ 16mm, sử dụng vít khóa HC 5.0mm. Chất liệu titanium. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	7	
157	Nẹp khóa đầu dưới xương cẳng chân	cái	Nẹp khóa xương chày mặt trong đầu nẹp 9 lỗ nẹp có từ 5 đến 13 lỗ trái, phải, dài 113 - 221mm, dày 3.5mm, rộng 13.5mm, khoảng cách giữa các lỗ 13.5mm, sử dụng vít khóa 3.5mm. Chất liệu titanium. Tiêu chuẩn ISO 13485-CE	6	

STT	Tên vật tư, quy cách	Đơn vị tính	Yêu cầu Thông số kỹ thuật	Số lượng dự trữ đầu thầu	Ghi chú
158	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi	cái	5 đến 13 lỗ trái, phải, dài 157 - 317mm, dày 5mm, rộng 18mm, Đầu nẹp có 7 lỗ bắt vít khóa, thân nẹp có xẻ rãnh ít tiếp xúc, kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít, khoảng cách giữa các lỗ 18mm, sử dụng vít khóa đk 5.0/ 6.0mm. Chất liệu titanium. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	3	
159	Vít khóa Titanium 3.5mm	cái	Đường kính thân vít 3.5mm ren 1.25mm dài 10-60mm.bước tăng 2mm, đk mũ vít 6mm, Chất liệu hợp kim titanium. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	221	
160	Vít khóa Titanium 5.0mm	cái	Đường kính thân vít 5.0mm ren 1,5mm dài 14-50mm.bước tăng 2mm, 50 -100mm bước tăng 5mm, đk mũ vít 8mm. Chất liệu hợp kim titanium. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	100	
161	Vít xương cứng 3.5	cái	Đường kính thân vít 3,5mm ren 1,25mm dài 12-50mm.bước tăng 2mm, đk mũ vít 6mm. Chất liệu thép y tế ko gỉ. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	111	
162	Vít xương xốp 4.0	cái	Đường kính thân vít 4,0mm ren 1,5mm, bước 7-22mm dài 16-60mm. bước tăng 2mm, đk mũ vít 6mm. Chất liệu thép y tế ko gỉ. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	10	
163	Vít xương xốp 3.5	cái	Đường kính thân vít 3,5mm ren 1,5mm, bước 7-22mm dài 12-50mm. bước tăng 2mm, đk mũ vít 6mm. Chất liệu thép y tế ko gỉ. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	7	
164	Đinh nội tuỷ xương chày	cái	Đinh nội tuỷ đặc, đường kính 8 - 10mm dài 240-340mm, thân đinh có 2 lỗ chốt đầu gần và lỗ chốt đầu xa, đồng bộ với vít chốt cùng hãng sản xuất. Chất liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	5	
165	Bộ khớp háng bán phần không xi măng chuỗi phủ HA	Bộ	Chuôi khớp chất liệu hợp kim Titanium phủ HA. Chiều dài từ 105 - 164mm, kích thước offset từ 37 - 54mm, chiều dài cổ khớp từ 30 - 40mm, đường kính đầu xa đuôi chuỗi từ 4 - 18mm. Góc cổ chuỗi 127 độ. Chòm khớp chất liệu CoCr, gồm các cỡ đường kính 22mm (0,+3.5), 28mm (-3.5, 0, +3.5) Cup bipolar lắp sẵn cấu tạo có 2 lớp, lớp bên ngoài chất titanium, lớp bên trong chất liệu PE, kích thước từ 38 - 58mm, bước tăng 2mm.	2	
166	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chuỗi phủ HA, chòm ceramic	Bộ	Chuôi khớp chất liệu hợp kim Titanium phủ HA. Chiều dài từ 105 - 164mm, kích thước offset từ 37 - 54mm, chiều dài cổ khớp từ 30 - 40mm, đường kính đầu xa đuôi chuỗi từ 4 - 18mm. Góc cổ chuỗi khoảng 127 độ. Ổ cối chất liệu hợp kim Titanium phủ titanium plasma, đường kính ngoài từ 44 - 62mm, bước tăng 2mm. Đường kính trong từ 38 - 52mm. Chòm khớp chất liệu Ceramic các loại đường kính 28mm (-3.5, 0, +3.5), 32mm (-4, 0, +4, +7), 36mm (-4, 0, +4, +7). Lót ổ cối toàn phần chất liệu PE siêu liên kết gồm các size 28mm, 32mm, 36mm. Góc chống trượt khoảng 12 độ.	1	